

Số: 40/ BC-MNSS3

Phường Ngô Quyền, ngày 21 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO CHUYỂN ĐỔI SỐ

Căn cứ Kế hoạch số 7462/KH-SGDDT ngày 08/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục gắn với triển khai Đề án 06 năm học 2025-2026; Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 30/9/2025 của UBND phường thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/ĐU, ngày 25/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2025-2030; Căn cứ Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 05/11/2025 của UBND phường Ngô Quyền về thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT chuyển đổi số và thống kê giáo dục gắn với triển khai đề án 06 năm học 2025-2026

Trường Mầm non Sao Sáng 3 báo cáo Chuyển đổi số như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

Trường Mầm non Sao Sáng 3, phường Ngô Quyền là cơ sở giáo dục mầm non công lập trực thuộc UBND phường Ngô Quyền, nhà trường có:

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 54 đồng chí; trong đó 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, 37 giáo viên đứng lớp, 9 nhân viên nuôi dưỡng, 04 lao công bảo vệ. Tổng số nhóm, lớp: 15 lớp (02 lớp nhà trẻ, 13 lớp mẫu giáo). Tổng số trẻ: 512 trẻ; tỷ lệ trẻ ra lớp đạt 100% so với kế hoạch giao. Nhà trường đang trong quá trình xây dựng mới khu 3 tầng, trường có khuôn viên khang trang, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; hệ thống mạng internet được phủ tới các phòng làm việc, phòng học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động của nhà trường.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại nhà trường

a) Kết quả đạt được:

- Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng thường xuyên hệ thống điều hành văn bản điện tử trong tiếp nhận, xử lý công việc; tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử đạt trên 95%. 98% cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên được cấp và sử dụng email công vụ @haiphong.edu.vn; Ban Giám hiệu và kế toán nhà trường đã được cấp chữ ký số, triển khai ký số văn bản, hồ sơ hành chính.

- Nhà trường thực hiện cập nhật, quản lý hồ sơ 54 cán bộ, giáo viên, nhân viên và 512 trẻ trên các phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo quy định.

- Ban giám hiệu nhà trường đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 và phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng bộ phận.

- Chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ và dữ liệu Chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ và dữ liệu Hồ sơ cán bộ, giáo viên và trẻ em được rà soát, chuẩn hóa thông tin; phối hợp thực hiện định danh, xác thực dữ liệu theo hướng dẫn của ngành, đảm bảo độ chính xác cao. Nhà trường thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ, đột xuất bằng hình thức trực tuyến, đảm bảo đúng thời gian, đầy đủ và chính xác.

- Ứng dụng CNTT trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ Giáo viên chủ động ứng dụng CNTT trong xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế bài giảng điện tử, video hoạt động học – chơi phù hợp với đặc thù lứa tuổi mầm non. Tăng cường sử dụng các phần mềm, nền tảng số trong trao đổi thông tin với phụ huynh; tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình. Từng bước tiếp cận, khai thác các học liệu số, kho tài nguyên giáo dục trực tuyến phục vụ hoạt động chuyên môn.

- Phát triển năng lực số cho đội ngũ 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (37/37 đồng chí) được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, an toàn thông tin và kỹ năng sử dụng các phần mềm phục vụ công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Trên 70% giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm soạn giảng điện tử, xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế video, hình ảnh tuyên truyền phục vụ hoạt động chuyên môn và phối hợp với phụ huynh. Đội ngũ giáo viên bước đầu tiếp cận, khai thác các công cụ hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng kế hoạch, thiết kế hoạt động giáo dục và truyền thông nhà trường.

- Tổ chuyển đổi số hoạt động thường xuyên, họp định kỳ, kịp thời điều phối các nội dung theo chỉ đạo của Phòng văn hoá phường.

- Công tác kiểm tra, giám sát được duy trì thông qua các buổi rà soát hồ sơ, phần mềm quản lý và nền tảng dùng chung.

- Việc ứng dụng phần mềm Misa kế toán, Misa khoản thu, quản lý cán bộ, cơ sở dữ liệu ngành, hoá đơn điện tử VNPT, edoc để lưu trữ HSSS, phần mềm quản lý mầm non (tính khẩu phần ăn, quản lý trẻ, chăm ăn, tuyển sinh ...)

được triển khai đồng bộ.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế về kỹ năng công nghệ.

- Chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả chuyển đổi số bằng số liệu cụ thể.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Nhà trường đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2025.

- Rà soát các quy chế hoạt động, bổ sung nội dung liên quan đến quản lý số, lưu trữ số, bảo mật dữ liệu.

- Áp dụng các biểu mẫu điện tử trong quản lý, hạn chế hồ sơ giấy.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Chưa xây dựng được bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của từng bộ phận.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

- Triển khai đầy đủ các kế hoạch theo lộ trình; phối hợp tốt với Phòng văn hoá phường

- Các tổ chuyên môn tham gia nghiêm túc, bước đầu hình thành quy trình làm

việc số.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

- Hệ thống wifi phủ toàn trường, tốc độ ổn định.

- Trang bị 100% máy tính cho các phòng ban, và các lớp; cơ bản đáp ứng quản lý điều hành.

- Có 01 tivi thông minh phục vụ giảng dạy.

- Sử dụng phần mềm Misa kế toán, Misa khoản thu, quản lý cán bộ, cơ sở dữ liệu ngành, hoá đơn điện tử VNPT, edoc để lưu trữ HSSS, phần mềm quản lý mầm non (tính khẩu phần ăn, quản lý trẻ, chăm ăn, tuyển sinh ...)

b) Tồn tại, hạn chế:

- Một số thiết bị công nghệ của trường của lớp đã cũ, tốc độ chậm.

- Chưa trang bị đầy đủ tivi thông minh cho tất cả các lớp học.

- Chưa có máy chủ, lưu trữ dữ liệu chưa đồng bộ, dung lượng hạn chế.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

- Tổ chức các buổi tập huấn ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong năm 2025.

- 100% Cán bộ, giáo viên, biết sử dụng phần mềm ứng dụng CNTT trong quản

lý trẻ và các ứng dụng cơ bản.

- Khuyến khích giáo viên tự học qua nền tảng số, video hướng dẫn.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Trình độ CNTT giữa các giáo viên không đồng đều.

- Thời gian tập huấn chưa nhiều, chưa đi sâu vào kỹ năng nâng cao.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

- Dữ liệu học sinh, hồ sơ cán bộ giáo viên được chuẩn hóa và lưu trữ số.

- Sử dụng phần mềm chung của ngành để cập nhật và khai thác dữ liệu.

- Một số biểu mẫu được số hóa và lưu trữ trên đám mây.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Việc đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống chưa tuyệt đối.

- Chưa có công cụ tự động hóa trong phân tích dữ liệu.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

- Thực hiện các biện pháp bảo mật cơ bản: đổi mật khẩu định kỳ, phân quyền tài khoản.

- Tuyên truyền cán bộ giáo viên không chia sẻ thông tin cá nhân học sinh lên mạng xã hội.

- Đa số máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Chưa có kế hoạch diễn tập an ninh mạng.

- Một số giáo viên chưa ý thức đầy đủ về rủi ro bảo mật.

7. Chính quyền số

Đánh giá các nội dung về cung cấp DVC trực tuyến; phát triển các nền tảng, ứng dụng phục vụ quản trị, điều hành nâng cao năng lực, quản trị, điều hành, năng lực thực thi; ứng dụng, triển khai trí tuệ nhân tạo, ...

a) Kết quả đạt được:

- Ứng dụng chữ ký số trong các văn bản nội bộ.

- Áp dụng phần mềm điều hành văn bản điện tử, họp trực tuyến khi cần.

- Sử dụng các ứng dụng quản lý CBGV, quản lý trẻ, báo cáo trực tuyến.

- Bước đầu tiếp cận sử dụng chatbot hỗ trợ thông tin cho phụ huynh.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Chưa tích hợp đồng bộ các nền tảng trong một hệ thống thống nhất.

- Chưa ứng dụng trí tuệ nhân tạo ở mức cao.

8. Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Triển khai hoạt động của Bình dân học vụ số; thành lập tổ công nghệ, đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số hình thành văn hóa số.

- Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số.

- Việc triển khai các nền tảng dùng chung phục vụ các dịch vụ thiết yếu của người dân: y tế, giáo dục, giải trí,

- Thành lập Tổ Công nghệ của trường, hoạt động hỗ trợ giáo viên trong giảng dạy và sử dụng thiết bị.

- Hướng dẫn cho phụ huynh về các nền tảng liên lạc, đóng học phí không tiền mặt.

- Triển khai nền tảng học liệu số cho trẻ (video bài giảng, hoạt động trải nghiệm).

- Hỗ trợ phụ huynh tiếp cận các dịch vụ công như tiêm chủng, y tế, giáo dục qua ứng dụng số.

- Nhà trường từng bước hình thành văn hóa số trong giao tiếp, xử lý công việc.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Phụ huynh chưa đồng đều về kỹ năng công nghệ.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số 10/10: treo pano, đăng tin bài lên website, phát động phong trào bình dân học vụ số, thi đua thiết kế bài giảng về các lĩnh vực, sáng tác nhạc theo chủ đề...

- Giáo viên, phụ huynh tham gia tìm hiểu kiến thức chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Quy mô tuyên truyền còn nhỏ, chưa tạo sức lan tỏa rộng

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Một số giáo viên chia sẻ kinh nghiệm tạo bài giảng điện tử, viết sáng kiến ứng dụng CNTT.

- Tổ công nghệ hỗ trợ các lớp triển khai bài giảng số.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Số lượng sáng kiến chưa nhiều; chưa có sản phẩm mang tính đột phá.

9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Đăng tin bài thường xuyên trên website, fanpage của trường.

- Kịp thời thông tin các văn bản chỉ đạo đến toàn thể CBGVNV, hướng dẫn phụ huynh sử dụng các ứng dụng.

- Truyền thông và cung cấp thông tin số Truyền thông và cung cấp thông tin số Nhà trường duy trì hoạt động hiệu quả trang thông tin điện tử; thường xuyên cập nhật các tin, bài về hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, các mô hình, điển hình tiên tiến trong thực hiện chuyển đổi số. Thực hiện tuyên truyền tới phụ huynh về lợi ích của chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giáo dục.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Công tác truyền thông chưa được hướng dẫn chuyên nghiệp; nội dung còn hạn chế về hình ảnh và video.

10. Kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí được sử dụng hiệu quả cho mua sắm thiết bị CNTT, nâng cấp đường truyền và tổ chức tập huấn.

- Đến thời điểm hiện tại, các nhiệm vụ ứng dụng CNTT cơ bản hoàn thành đúng tiến độ.

- Ước đến cuối năm 2025: hoàn thành 90% mục tiêu kế hoạch chuyển đổi số tại trường.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND phường Ngô Quyền hỗ trợ kinh phí nâng cấp thiết bị CNTT và hạ tầng mạng.

Tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về chuyển đổi số cho cán bộ giáo viên nhân viên

Cần có hệ thống phần mềm thống nhất, đồng bộ từ ngành đến trường.

Hỗ trợ triển khai các giải pháp AI đơn giản phục vụ quản lý và giao tiếp.

Phần B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế số, ban hành quy chế làm việc theo hướng số hóa.

2. 100% hồ sơ quản lý chuyển sang dạng số; giảm tối đa hồ sơ giấy.

3. Nâng cấp hạ tầng CNTT, trang bị thêm tivi thông minh cho các lớp. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập cho giáo viên và trẻ.

4. Đẩy mạnh bồi dưỡng giáo viên về thiết kế bài giảng số và ứng dụng AI. Tăng cường tự học tập bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng modul theo nhu cầu thực tế của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ việc CSGD trẻ), tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng mô hình giáo dục đào tạo tiên tiến dựa trên các nền tảng số. Tiếp tục đẩy mạnh khai thác cơ sở dữ liệu ngành, các dịch vụ công trực tuyến, thực hiện số hóa triệt để, sử dụng văn bản điện tử, tập huấn được vận dụng tối đa trên môi trường mạng. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

5. Mở rộng kho dữ liệu số của trường, tích hợp với hệ thống ngành.

6. Tăng cường an ninh mạng, bổ sung quy trình sao lưu và bảo mật.

7. Hoàn thiện chính quyền số trong nhà trường, mở rộng dịch vụ trực tuyến cho phụ huynh.

8. Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số đối với giáo viên - phụ huynh. Tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện chuyển đổi số trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

9. Từng bước hình thành văn hóa số trong toàn trường.

Trên đây là Báo cáo công tác chuyển đổi số của trường Mầm non Sao Sáng 3.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH

- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Lương Thị Oanh